



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1723>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Văn Thống¹ và Trần Thị Mỹ Dạ^{2*}

¹*Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: tranthimyda@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/12/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 06/01/2026; Ngày duyệt đăng: 13/01/2026

Tóm tắt

Hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường giữ vai trò quan trọng trong việc tạo lập môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thúc đẩy sự phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo định hướng đổi mới giáo dục. Nghiên cứu này khảo sát thực trạng quản lý hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường tại các trường trung học cơ sở thuộc phường Phước Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm nhận diện mức độ triển khai, những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng quản lý. Phương pháp nghiên cứu sử dụng bảng hỏi kết hợp phỏng vấn sâu, thu thập dữ liệu từ 9 cán bộ quản lý và 91 giáo viên, triển khai theo thang đo Likert 5 mức. Nội dung khảo sát tập trung vào bốn chức năng quản lý chủ yếu: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá. Kết quả cho thấy công tác quản lý hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường nhìn chung đạt mức khá, thể hiện ở việc xác định mục tiêu khá rõ ràng, sự phối hợp tương đối tốt giữa các lực lượng giáo dục và bước đầu hình thành các hoạt động thúc đẩy giá trị văn hóa tích cực trong nhà trường. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp hoàn thiện quản lý hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường theo hướng đồng bộ, thực chất và phù hợp với điều kiện của phường Phước Thắng trong thời gian tới.

Từ khóa: *Quản lý hoạt động, phường Phước Thắng, trường trung học cơ sở, văn hóa nhà trường.*

Trích dẫn: Hồ, V. T., & Trần, T. M. D. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường ở các trường trung học cơ sở tại phường Phước Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(07S), 290-302. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1723>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT SITUATION OF MANAGING SCHOOL CULTURE DEVELOPMENT ACTIVITIES IN JUNIOR HIGH SCHOOLS IN PHUOC THANG WARD, HO CHI MINH CITY

Ho Van Thong¹ and Tran Thi My Da^{2*}

¹*Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author, Email: tranthimyda@gmail.com*

Article history

Received: 25/12/2025; Received in revised form: 06/01/2026; Accepted: 13/01/2026

Abstract

School culture development plays a crucial role in establishing a safe and healthy educational environment and in fostering students' qualities and competencies in line with current educational reforms. This study investigates the current status of managing school culture development activities in lower secondary schools in Phuoc Thang Ward, Ho Chi Minh City, with the aim of identifying the level of implementation, strengths, limitations, and factors influencing management quality. The research employed a questionnaire survey and in-depth interviews, collecting data from 9 school administrators and 91 teachers using a five-point Likert scale. The survey focused on four core management functions: planning, organizing implementation, directing, and monitoring–evaluation. The findings indicate that the management of school culture development activities is generally at a fairly good level with relatively clear goal setting, fairly effective coordination among educational stakeholders, and the initial establishment of activities that promote positive cultural values within schools. These results provide an important basis for proposing measures to improve the management task in a more systematic, substantive, and context-appropriate manner, aligned with the conditions of Phuoc Thang Ward in the coming period.

Keywords: *Activity management, lower secondary school, school culture, Phuoc Thang Ward.*

1. Giới thiệu

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã tạo hành lang pháp lý tương đối đầy đủ cho việc xây dựng và quản lý văn hoá nhà trường (VHNT). Trên bình diện vĩ mô, Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) khẳng định nhiệm vụ “*xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, thân thiện*” như một định hướng chủ đạo cho đổi mới giáo dục (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013). Theo, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 của Quốc hội quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, phòng chống bạo lực học đường, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người học, đồng thời đề cao vai trò tự chủ và trách nhiệm giải trình của nhà trường trong tổ chức các hoạt động giáo dục (Quốc hội, 2019).

Bên cạnh đó, Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025*” đề ra mục tiêu đến năm 2025, 100% trường học xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử; đa số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), học sinh (HS) được bồi dưỡng, tuyên truyền về văn hóa ứng xử, góp phần xây dựng môi trường “*xanh - sạch - đẹp - an toàn - lành mạnh - thân thiện*” (Thủ tướng Chính phủ, 2018). Đồng thời, theo Chỉ thị số 08/CT-TTg năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu tăng cường xây dựng văn hóa học đường, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của các địa phương, các cơ sở giáo dục, gắn với việc triển khai các chương trình, đề án giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho HS, sinh viên (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Mặt khác, Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên, cung cấp khung chuẩn mực hành vi cho CBQL, GV, nhân viên, HS trong các mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019).

Theo đó, tổng kết việc thực hiện Đề án 1299/QĐ-TTg và Chỉ thị 08/CT-TTg trên phạm vi cả nước cho thấy nhận thức xã hội về tầm quan trọng của văn hóa học đường đã được nâng lên, khung pháp lý và cơ chế triển khai cơ bản hình thành, nhiều cơ sở giáo dục chuyển biến tích cực; tuy nhiên, vẫn còn không ít bất cập về sự đồng bộ trong chỉ đạo, về nguồn lực và về năng lực quản lý của đội ngũ ở cơ sở (Thủ tướng Chính phủ, 2018; 2022).

Bên cạnh đó, có nhiều nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam đều thống nhất rằng VHNT là một dạng cụ thể của văn hóa tổ chức, được thể hiện qua hệ thống giá trị, niềm tin, chuẩn mực và thói quen được các thành viên chia sẻ, chi phối cách họ suy nghĩ, cảm nhận và hành động trong nhà trường. Schein (2010) cho rằng văn hóa tổ chức gồm các giá trị tuyên bố, các chuẩn mực vận hành và những giả định nền tảng, được hình thành qua quá trình thích ứng với môi trường bên ngoài và hội nhập nội bộ. Tiếp cận này giúp lý giải phần “*chìm*” của VHNT - những niềm tin, thái độ, kỳ vọng ít thấy nhưng quyết định cách thức vận hành của tổ chức.

Ở Việt Nam, theo tác giả Nguyễn (2023) khẳng định văn hóa tổ chức và VHNT giữ vai trò định hướng trong quản lý giáo dục; VHNT là “*hệ điều tiết mềm*” chi phối mọi hoạt động dạy học, giáo dục, các mối quan hệ và hình ảnh, uy tín nhà trường trong cộng đồng.

Các tác giả Phan và Nguyễn (2024) tiếp cận quản lý VHNT như một bộ phận của quản lý giáo dục, gắn với bốn chức năng cơ bản: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá, trong đó hiệu trưởng giữ vai trò trung tâm trong việc xác lập tầm nhìn, hệ giá trị cốt lõi và phong cách lãnh đạo mang tính nêu gương.

Những tiếp cận lí luận mới trong bối cảnh chuyển đổi số nhấn mạnh rằng VHNT không chỉ giới hạn trong không gian vật lí mà còn mở rộng sang “*không gian số*”, nơi các tương tác dạy - học, quản lí, truyền thông được thực hiện qua nền tảng trực tuyến. Đỗ (2022) cho rằng

trong bối cảnh này, xây dựng VHNT đòi hỏi cán bộ quản lý phải chú trọng tới giá trị cốt lõi, quy tắc ứng xử trên môi trường số, bảo đảm sự nhất quán giữa văn hóa trực tiếp và văn hóa trực tuyến.

Trong những năm gần đây, vấn đề xây dựng và quản lý VHNT ở các cấp học đã được nhiều nghiên cứu quan tâm. Nguyễn & Huỳnh (2024) khi khảo sát thực trạng quản lý xây dựng VHNT ở các trường tiểu học thành phố Sa Đéc (Đồng Tháp) cho thấy các nhà trường đã chú ý đến việc lồng ghép giá trị văn hóa trong hoạt động dạy học, sinh hoạt chuyên môn và phong trào thi đua, song vẫn còn hạn chế về tính đồng bộ, thiếu công cụ theo dõi, đánh giá thường xuyên.

Nhóm tác giả Hồ & Nguyễn (2025) nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động xây dựng VHNT ở các trường trung học cơ sở (THCS) quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy việc quản lý xây dựng VHNT đã được quan tâm nhưng còn một số bất cập như: nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của quản lý xây dựng VHNT; một số hoạt động còn mang tính hình thức; thiếu hệ thống công cụ giám sát, đánh giá; và chưa có hướng dẫn chi tiết cho từng cấp học, từng địa bàn cụ thể.

Mặc dù đã có khá nhiều nghiên cứu về VHNT và quản lý xây dựng VHNT ở các cấp học, vùng miền khác nhau, song đến nay hầu như chưa có công trình nào đi sâu khảo sát một cách hệ thống thực trạng quản lý hoạt động xây dựng VHNT ở các trường THCS tại phường Phước Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh. Những hạn chế này chịu tác động không nhỏ từ đặc thù kinh tế – xã hội của địa bàn phường Phước Thắng, nơi có mật độ dân cư cao, sự đa dạng về văn hóa, cùng với những vấn đề về an ninh trật tự và tệ nạn xã hội, làm gia tăng áp lực đối với môi trường học đường. Do đó, nghiên cứu không chỉ phản ánh thực trạng quản lý xây dựng VHNT tại các trường THCS trên địa bàn mà còn chỉ ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới công tác quản lý theo hướng phù hợp hơn với bối cảnh địa phương, nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và bền vững.

Khoảng trống nghiên cứu này đặt ra yêu cầu cần có một nghiên cứu chuyên sâu nhằm: (1) mô tả và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động xây dựng VHNT ở các trường THCS tại phường Phước Thắng theo bốn chức năng quản lý cơ bản; (2) nhận diện các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu; và (3) làm rõ những điểm mạnh, hạn chế trong quản lý, từ đó cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS trên địa bàn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu nhằm thu thập dữ liệu về thực trạng quản lý hoạt động xây dựng VHNT tại ba trường THCS trên địa bàn phường Phước Thắng, gồm: Trường THCS Nguyễn Gia Thiều, Trường THCS Lương Thế Vinh và Trường THCS Phước Thắng. Khách thể khảo sát gồm 09 CBQL và 91 GV đang công tác tại các trường nêu trên, bảo đảm tính đại diện và phản ánh đa góc nhìn của đội ngũ trong quá trình thực thi các chức năng quản lý.

Công cụ khảo sát được xây dựng trên cơ sở khung lý thuyết quản lý giáo dục, cụ thể hóa thành bốn nhóm nội dung tương ứng với các chức năng quản lý chủ yếu: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá hoạt động xây dựng VHNT. Bảng hỏi áp dụng thang đo Likert 5 mức, thể hiện mức độ đồng thuận của người trả lời đối với từng tiêu chí khảo sát. Đồng thời, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 06 CBQL nhằm bổ sung chiều sâu cho dữ liệu định lượng, giúp làm rõ các khó khăn, thuận lợi và yếu tố ảnh hưởng trong thực tiễn quản lý.

Dữ liệu thu thập từ bảng hỏi được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, sử dụng các chỉ số: điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng (XH) theo từng tiêu chí.

Thang đo được chia thành 5 mức theo khoảng cách đều $[(5 - 1)/5 = 0,8]$, bao gồm: Mức 1 (Kém): $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$; Mức 2 (Yếu): $1,81 < \text{ĐTB} \leq 2,60$; Mức 3 (Trung bình): $2,61 < \text{ĐTB} \leq 3,40$; Mức 4 (Khá): $3,41 < \text{ĐTB} \leq 4,20$; Mức 5 (Tốt): $4,21 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$.

3. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở các trường trung học cơ sở tại phường Phước Thắng, thành phố Hồ Chí Minh

3.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở trường trung học cơ sở

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác lập kế hoạch hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Xác định mục tiêu xây dựng VHNT	0	0	23	56	23	4,00	0,58	1
2	Phân tích thực trạng VHNT	0	0	22	60	21	3,99	0,60	2
3	Xác định nội dung và nhiệm vụ xây dựng VHNT	0	0	23	60	20	3,97	0,60	3
4	Dự kiến nguồn lực và điều kiện thực hiện	0	7	34	46	15	3,68	0,53	6
5	Xây dựng tiến độ thực hiện kế hoạch	0	8	28	50	16	3,73	0,53	5
6	Cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện	0	9	24	51	18	3,77	0,53	4
ĐTB chung							3,86		

Kết quả khảo sát đội ngũ CBQL và GV về công tác lập kế hoạch hoạt động xây dựng VHNT cho thấy mức độ thực hiện nhìn chung đạt mức khá, với ĐTB chung = 3,86, nằm trong khoảng 3,41-4,20 theo thang đo đánh giá. Điều này phản ánh rằng các trường THCS trên địa bàn đã bước đầu hình thành được quy trình lập kế hoạch tương đối bài bản, đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động xây dựng VHNT trong giai đoạn hiện nay.

Tiêu chí có điểm cao nhất là “*Xác định mục tiêu xây dựng VHNT*” với ĐTB = 4,00; ĐLC = 0,58, xếp hạng 1. Điều này cho thấy các trường đã chú trọng xác lập mục tiêu rõ ràng, phù hợp với định hướng phát triển nhà trường và chương trình giáo dục phổ thông 2018. Mục tiêu được xây dựng tương đối thống nhất và được CBQL truyền thông đầy đủ đến GV, tạo nền tảng quan trọng cho việc triển khai các hoạt động văn hoá sau đó.

Tiêu chí xếp thứ hai là “*Phân tích thực trạng VHNT*” (ĐTB = 3,99; ĐLC = 0,60). Đây là bước quan trọng nhằm nhận diện điểm mạnh, hạn chế và nhu cầu phát triển văn hoá của mỗi trường. Việc phân tích thực trạng được đánh giá ở mức khá cho thấy các trường đã tổ chức rà soát và đánh giá tương đối đầy đủ, tuy nhiên ĐLC ở mức 0,65 phản ánh vẫn còn sự không đồng đều giữa các nhóm GV trong nhận thức hoặc mức độ tham gia.

Tiêu chí thứ ba là “*Xác định nội dung và nhiệm vụ xây dựng VHNT*” (ĐTB = 3,97; ĐLC = 0,60). Kết quả cho thấy nội dung kế hoạch đã tương đối cụ thể, tuy nhiên mức độ phân công nhiệm vụ trong một số trường vẫn còn chung chung, chưa gắn với chỉ số đánh giá kết quả rõ ràng.

Ở nhóm giữa là tiêu chí “*Cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện*” (ĐTB = 3,77; ĐLC =

0,53). Con số này phản ánh rằng nhà trường đã chú trọng phối hợp giữa các đoàn thể, tổ chuyên môn và lực lượng xã hội hóa, nhưng mức độ hiệu quả chưa đồng đều, cần tăng cường hơn cơ chế trách nhiệm và kiểm tra nội bộ.

Hai tiêu chí có ĐTB thấp nhất là: “*Xây dựng tiến độ thực hiện kế hoạch*” (ĐTB = 3,73; ĐLC = 0,53) - xếp hạng 5; “*Dự kiến nguồn lực và điều kiện thực hiện*” (ĐTB = 3,68; ĐLC = 0,53) - xếp hạng 6. Đây là nhóm tiêu chí thể hiện những hạn chế rõ rệt nhất. Khó khăn chủ yếu nằm ở việc dự kiến nguồn lực còn mang tính khái quát, chưa lượng hoá cụ thể về kinh phí, cơ sở vật chất và huy động lực lượng tham gia. Việc xây dựng tiến độ đôi khi chưa gắn chặt với đặc thù hoạt động, dẫn đến tình trạng kế hoạch bị điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

ĐLC của các tiêu chí dao động từ 0,53 đến 0,60, nằm ở mức thấp đến trung bình, cho thấy sự đồng thuận tương đối cao giữa các GV và CBQL.

Phòng vấn sâu CBQL: CBQL01 cho biết rằng việc lập kế hoạch xây dựng VHNT được thực hiện hàng năm, tuy nhiên mức độ chi tiết về nguồn lực và phân bổ thời gian vẫn còn hạn chế do chịu ảnh hưởng từ ngân sách và sự thay đổi trong chỉ đạo chuyên môn của cấp trên. CBQL nhấn mạnh rằng GV đã tham gia tích cực vào quá trình xác định mục tiêu, nhưng việc dự báo khó khăn và phương án xử lý chưa được chú trọng đúng mức.

CBQL02 chia sẻ rằng công tác lập kế hoạch đã có tiến bộ so với các năm trước, đặc biệt ở phần xác định mục tiêu và nội dung hoạt động. Tuy nhiên, việc phối hợp giữa các bộ phận vẫn chưa thực sự đồng bộ; tiến độ thực hiện đôi khi bị chậm do thiếu cơ chế giám sát rõ ràng. CBQL đề nghị tăng cường tập huấn về phương pháp lập kế hoạch cho GV và ứng dụng công nghệ để hỗ trợ quản lý tiến độ.

Tổng hợp kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy công tác lập kế hoạch hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS phường Phước Thắng đạt mức khá, đảm bảo những yêu cầu cơ bản của quản lý giáo dục. Các tiêu chí về mục tiêu, nội dung và đánh giá thực trạng được thực hiện tương đối tốt, có tính định hướng rõ ràng. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế đáng chú ý ở dự kiến nguồn lực, tiến độ và cơ chế phối hợp, đòi hỏi nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng cụ thể hoá, lượng hoá và tăng cường sự tham gia của các lực lượng giáo dục.

3.2. Thực trạng công tác tổ chức thực hiện hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở trường Trung học cơ sở

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác tổ chức thực hiện hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục văn hóa	0	9	33	45	15	3,65	0,52	6
2	Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, an toàn, thân thiện	0	10	27	49	16	3,70	0,52	5
3	Phát triển đội ngũ gắn với chuẩn VHNT	0	11	23	50	18	3,74	0,52	4
4	Phát huy vai trò của HS trong xây dựng VHNT	0	2	22	55	23	3,97	0,57	1
5	Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng	0	4	21	59	19	3,90	0,59	2

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
6	Thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục văn hóa	0	12	22	49	20	3,74	0,51	3
ĐTB chung							3,79		

Kết quả khảo sát đội ngũ CBQL và GV về thực trạng công tác tổ chức thực hiện hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS ở phường Phước Thắng cho thấy mức độ thực hiện chung đạt mức Khá, với điểm TBC chung là 3,79. Điều này phản ánh các nhà trường đã có những nỗ lực đáng kể trong việc triển khai các hoạt động giáo dục văn hóa, đồng thời duy trì môi trường sư phạm phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục. Trong số các tiêu chí được khảo sát, nội dung “*Phát huy vai trò của HS trong xây dựng VHNT*” có ĐTB cao nhất (3,97). Kết quả này thể hiện sự chuyển biến tích cực trong cách tiếp cận giáo dục, theo đó HS được xem là chủ thể quan trọng của hoạt động xây dựng VHNT, tham gia vào các phong trào, câu lạc bộ và hoạt động trải nghiệm mang tính giáo dục giá trị. Tiêu chí “*Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng*” cũng đạt mức cao (3,90), cho thấy nhận thức chung của đội ngũ về sự cần thiết của mô hình giáo dục ba môi trường. Tuy nhiên, ĐLC ở tiêu chí này tương đối lớn (0,59), phản ánh sự khác biệt trong mức độ phối hợp giữa các lớp, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội và sự quan tâm của cha mẹ HS.

Các tiêu chí còn lại, bao gồm thiết kế và triển khai hoạt động giáo dục văn hóa, phát triển đội ngũ gắn với chuẩn VHNT, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, an toàn, thân thiện, đều đạt ĐTB dao động từ 3,65 đến 3,74. Mặc dù các mức điểm đều ở ngưỡng Khá, song kết quả này cho thấy công tác tổ chức chưa thật sự đồng đều và vẫn còn những khoảng trống cần điều chỉnh. Đáng chú ý, tiêu chí “*Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, an toàn, thân thiện*” có ĐTB thấp nhất (3,65). Đây là tín hiệu cho thấy các trường vẫn gặp khó khăn trong việc hoàn thiện môi trường vật chất và môi trường ứng xử; một số yếu tố liên quan đến cơ sở vật chất, an toàn học đường hay thực thi quy tắc ứng xử chưa thực sự đồng bộ giữa các trường.

Xét về ĐLC, các giá trị dao động từ 0,51 đến 0,59 cho thấy mức độ đánh giá của CBQL và GV khá thống nhất, phản ánh nhận thức chung tương đối đồng đều về thực trạng hoạt động xây dựng VHNT. Tuy nhiên, sự chênh lệch cao hơn ở một số tiêu chí liên quan đến môi trường giáo dục và sự phối hợp với phụ huynh cho thấy vẫn tồn tại các yếu tố phụ thuộc vào đặc thù lớp học, trình độ đội ngũ hoặc điều kiện của từng trường.

Kết quả phỏng vấn sâu với CBQL giúp củng cố thêm nhận định trên. CBQL 03 cho rằng nhà trường đã chú trọng phát huy vai trò HS và đa dạng hóa hoạt động giáo dục văn hóa. Tuy nhiên, sự phối hợp với phụ huynh còn hạn chế, đặc biệt trong các hoạt động mang tính cộng đồng. CBQL 04 nhấn mạnh áp lực công việc và hồ sơ chuyên môn khiến GV chưa có nhiều thời gian đầu tư cho hoạt động xây dựng VHNT; một số hoạt động còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, và phụ thuộc nhiều vào sự chủ động của từng GV.

Tổng hợp kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy công tác tổ chức thực hiện xây dựng VHNT tại các trường THCS ở phường Phước Thắng đạt mức Khá, có nhiều điểm mạnh nhưng vẫn tồn tại những hạn chế nhất định. Đây là cơ sở quan trọng để luận văn đề xuất hệ thống biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động xây dựng VHNT trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

3.3. Thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở trường Trung học cơ sở

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Chỉ đạo xây dựng mục tiêu, giá trị cốt lõi và chuẩn mực văn hóa của nhà trường	0	4	24	58	17	3,86	0,58	2
2	Chỉ đạo thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục nhằm nuôi dưỡng VHNT	0	12	25	48	18	3,69	0,51	3
3	Chỉ đạo phát triển môi trường sư phạm tích cực và các thiết chế văn hóa	0	11	26	49	16	3,69	0,52	4
4	Chỉ đạo phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường	0	2	25	54	21	3,92	0,57	1
5	Chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động xây dựng VHNT	0	9	36	44	13	3,60	0,53	6
6	Chỉ đạo phát triển đội ngũ và nâng cao năng lực thực hiện VHNT	0	10	30	48	14	3,65	0,52	5
ĐTB chung							3,74		

Kết quả khảo sát đội ngũ CBQL và GV về thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS ở phường Phước Thắng cho thấy mức độ thực hiện chung đạt mức Khá, với ĐTB chung 3,74. Điều này phản ánh công tác chỉ đạo đã được quan tâm và triển khai tương đối đồng bộ, góp phần định hướng cho các hoạt động xây dựng VHNT theo mục tiêu giáo dục toàn diện.

Trong các nội dung khảo sát, tiêu chí “*Chỉ đạo phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường*” đạt ĐTB cao nhất (3,92), thể hiện vai trò tích cực của lãnh đạo nhà trường trong việc huy động các lực lượng xã hội, gia đình và cộng đồng tham gia hỗ trợ hoạt động giáo dục văn hóa. Đây cũng là minh chứng cho xu hướng tăng cường xã hội hóa giáo dục, phù hợp định hướng đổi mới hiện nay. Tiêu chí “*Chỉ đạo xây dựng mục tiêu, giá trị cốt lõi và chuẩn mực VHNT*” đạt ĐTB 3,86 và xếp thứ hai, phản ánh sự thống nhất về nhận thức của đội ngũ trong việc xây dựng nền tảng giá trị của nhà trường, làm cơ sở định hướng hành vi và các hoạt động giáo dục.

Các tiêu chí khác như “*Chỉ đạo thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục nhằm nuôi dưỡng VHNT*”, “*Chỉ đạo phát triển môi trường sư phạm tích cực*” và “*Chỉ đạo phát triển đội ngũ*” đều đạt mức điểm từ 3,60 đến 3,69. Mặc dù các mức điểm này vẫn nằm trong ngưỡng Khá, song cho thấy sự chỉ đạo chưa thật sự nổi bật và còn phụ thuộc vào năng lực tổ chức của từng tổ chuyên môn, cũng như điều kiện thực tế của mỗi trường. Đặc biệt, tiêu chí “*Chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động xây dựng VHNT*” có ĐTB thấp nhất (3,60). Điều này cho thấy các hoạt động giám sát và điều chỉnh chưa được thực hiện một cách thường xuyên, hệ thống, hoặc chưa hình thành được quy trình đánh giá rõ ràng, dẫn đến hiệu quả điều chỉnh chưa cao.

Xét về ĐLC, các giá trị dao động từ 0,51 đến 0,58 cho thấy sự đồng thuận tương đối giữa CBQL và GV trong đánh giá thực trạng. ĐLC cao hơn ở nhóm tiêu chí liên quan đến phối hợp lực lượng giáo dục và xây dựng mục tiêu - giá trị cốt lõi cho thấy mức độ thực hiện có sự

khác biệt giữa các trường, chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi điều kiện phát triển đội ngũ, sự tham gia của phụ huynh và mối quan hệ giữa nhà trường với cộng đồng địa phương.

Kết quả phỏng vấn sâu góp phần lý giải rõ hơn thực trạng trên. CBQL03 cho biết nhà trường đã chú trọng chỉ đạo việc xác lập hệ thống giá trị cốt lõi và chuẩn mực văn hóa, tuy nhiên việc triển khai kiểm tra - đánh giá còn gặp khó khăn do thiếu công cụ và tiêu chí cụ thể. Trong khi đó, CBQL04 nhấn mạnh việc phối hợp với các tổ chức địa phương mang lại hiệu quả tích cực, nhưng công tác chỉ đạo phát triển đội ngũ về năng lực xây dựng VHNT chưa thật sự đồng đều, một số GV còn lúng túng trong tổ chức hoạt động giáo dục văn hóa.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS ở phường Phước Thắng đạt mức Khá, có nền tảng tốt nhưng vẫn tồn tại những hạn chế về kiểm tra - đánh giá, phát triển đội ngũ và tính đồng bộ trong triển khai. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo trong chương tiếp theo của luận văn.

3.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở trường Trung học cơ sở

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các giá trị và chuẩn mực VHNT	0	0	26	54	22	3,96	0,57	1
2	Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn - lành mạnh - thân thiện	0	4	25	54	20	3,87	0,56	2
3	Kiểm tra, đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục văn hóa và phát triển phẩm chất HS	0	0	30	58	15	3,85	0,60	3
4	Kiểm tra, đánh giá vai trò của đội ngũ CBQL, GV và các lực lượng tham gia xây dựng VHNT	0	7	37	44	14	3,64	0,53	6
5	Kiểm tra, đánh giá việc duy trì và phát triển bản sắc văn hóa riêng của nhà trường	0	8	31	48	15	3,69	0,53	5
6	Kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu xây dựng VHNT trong kế hoạch năm học	0	9	27	49	17	3,73	0,52	4
ĐTB chung							3,79		

Kết quả khảo sát đội ngũ CBQL và GV về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS ở phường Phước Thắng cho thấy mức độ thực hiện chung đạt mức Khá, với ĐTB chung 3,79. Điều này phản ánh hệ thống kiểm tra, đánh giá đã được triển khai tương đối thường xuyên và có vai trò nhất định trong việc điều chỉnh các hoạt động xây dựng VHNT theo mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra sự khác biệt giữa các tiêu chí, gợi mở những khía cạnh cần tiếp tục hoàn thiện.

Trong các nội dung được khảo sát, tiêu chí “*Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các giá trị và chuẩn mực VHNT*” đạt ĐTB cao nhất (3,96). Điều này cho thấy hoạt động giám sát việc tuân thủ giá trị cốt lõi và chuẩn mực văn hóa của HS, GV và các lực lượng giáo dục được thực hiện khá tốt và có tính ổn định trong các nhà trường. Tiếp theo là tiêu chí “*Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn - lành mạnh - thân thiện*” với ĐTB 3,87, phản ánh sự quan tâm của lãnh đạo và GV đối với việc duy trì chất lượng môi trường giáo dục. Tiêu chí “*Kiểm tra, đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục văn hóa và phát triển phẩm chất HS*” cũng đạt mức khá cao (3,85), cho thấy hoạt động đánh giá này được triển khai tương đối hiệu quả, góp phần hỗ trợ nhà trường phát hiện và điều chỉnh những hạn chế trong tổ chức hoạt động.

Ngược lại, các tiêu chí “*Kiểm tra, đánh giá vai trò của đội ngũ CBQL, GV và các lực lượng tham gia xây dựng VHNT*” (3,64) và “*Kiểm tra, đánh giá việc duy trì và phát triển bản sắc văn hóa riêng của nhà trường*” (3,69) có ĐTB thấp hơn. Điều này cho thấy các trường chưa thật sự chú trọng đánh giá vai trò của đội ngũ trong xây dựng VHNT, cũng như chưa có hệ thống tiêu chí rõ ràng để theo dõi và duy trì bản sắc văn hóa đặc thù của từng trường. Tiêu chí “*Kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu xây dựng VHNT trong kế hoạch năm học*” đạt 3,63, xếp thứ tư, phản ánh nỗ lực của một số trường nhưng cũng cho thấy quy trình đánh giá còn thiếu sự đồng bộ.

Xét về ĐLC, các giá trị dao động từ 0,52 đến 0,60, cho thấy sự đồng thuận tương đối cao của CBQL và GV. ĐLC lớn nhất thuộc về tiêu chí đánh giá các hoạt động giáo dục văn hóa (0,65), cho thấy mức độ thực hiện thiếu đồng đều giữa các trường, có thể do khác biệt về năng lực đội ngũ hoặc điều kiện triển khai hoạt động. Trong khi đó, ĐLC thấp hơn ở các tiêu chí còn lại phản ánh sự thống nhất trong nhận thức về mức độ thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá hiện nay.

Kết quả phỏng vấn CBQL giúp làm rõ hơn những nhận định từ khảo sát định lượng. CBQL05 cho biết công tác kiểm tra việc thực hiện giá trị và chuẩn mực văn hóa được chú trọng, song việc đánh giá bản sắc VHNT chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến khó nhận diện sự khác biệt của trường so với các đơn vị khác. CBQL06 chia sẻ rằng hoạt động kiểm tra chủ yếu tập trung vào nề nếp và môi trường giáo dục, trong khi việc đánh giá vai trò của đội ngũ và hiệu quả hoạt động giáo dục văn hóa còn mang tính hình thức, chưa có công cụ đo lường cụ thể.

Tổng hợp kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS ở phường Phước Thắng nhìn chung đạt mức Khá, song vẫn tồn tại những hạn chế về tính hệ thống, chiều sâu đánh giá và sự đồng bộ giữa các nội dung đánh giá. Đây là căn cứ quan trọng để đề xuất các biện pháp hoàn thiện quy trình kiểm tra, đánh giá trong chương tiếp theo, nhằm đảm bảo hoạt động xây dựng VHNT được triển khai hiệu quả, bền vững và phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục.

3.5. Đánh giá chung về thực trạng

3.5.1. Ưu điểm

Qua phân tích thực trạng các mặt quản lý hoạt động xây dựng VHNT, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá, có thể nhận thấy công tác quản lý tại các trường THCS ở phường Phước Thắng đã đạt được những kết quả tích cực nhất định.

Trước hết, các nhà trường đã bước đầu hình thành nhận thức tương đối thống nhất về vai trò và ý nghĩa của VHNT trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Mục tiêu, giá trị cốt lõi và các chuẩn mực văn hoá được quan tâm xây dựng, làm cơ sở định hướng cho hành vi ứng xử và hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Công tác lập kế hoạch xây dựng VHNT được triển khai tương đối bài bản, chú trọng xác định mục tiêu, nội dung và nhiệm vụ phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục. Đội ngũ CBQL và GV có sự tham gia nhất định trong quá trình xây dựng kế hoạch, góp phần nâng cao tính khả thi trong triển khai.

Trong tổ chức thực hiện, các trường đã phát huy vai trò của học sinh thông qua nhiều hoạt động giáo dục, phong trào thi đua và hoạt động trải nghiệm mang tính giáo dục giá trị. Đồng thời, sự phối hợp giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng từng bước được chú trọng, góp phần tạo môi trường giáo dục tương đối lành mạnh, thân thiện.

Công tác chỉ đạo thể hiện rõ vai trò điều hành của CBQL trong việc định hướng hoạt động, huy động các lực lượng giáo dục và duy trì các hoạt động xây dựng VHNT. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra, đánh giá đã được triển khai ở nhiều nội dung trọng tâm như việc thực hiện chuẩn mực văn hoá, môi trường giáo dục và các hoạt động giáo dục văn hóa, tạo cơ sở cho việc điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

Nhìn chung, công tác quản lý hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS trên địa bàn đã có nền tảng tương đối vững, đáp ứng những yêu cầu cơ bản của quản lý giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

3.5.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng quản lý hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS ở phường Phước Thắng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế cần được quan tâm khắc phục.

Trong công tác lập kế hoạch, việc dự kiến nguồn lực và xây dựng tiến độ thực hiện còn mang tính khái quát, chưa được lượng hoá cụ thể về thời gian, kinh phí và điều kiện đảm bảo. Một số kế hoạch chưa gắn chặt với đặc thù của từng trường, dẫn đến phải điều chỉnh trong quá trình triển khai.

Công tác tổ chức thực hiện chưa thật sự đồng đều giữa các nội dung. Một số hoạt động giáo dục văn hoá còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa tạo được tác động bền vững đến hành vi, thái độ của HS. Việc xây dựng môi trường sư phạm an toàn, lành mạnh và thân thiện ở một số trường vẫn gặp khó khăn, đặc biệt liên quan đến cơ sở vật chất và văn hóa ứng xử.

Trong chỉ đạo thực hiện, hoạt động kiểm tra, giám sát và điều chỉnh chưa được tiến hành thường xuyên, hệ thống; công tác phát triển năng lực đội ngũ GV trong xây dựng VHNT chưa đồng bộ, khiến một bộ phận GV còn lúng túng khi tổ chức các hoạt động giáo dục văn hóa.

Đối với công tác kiểm tra, đánh giá, các trường chưa có hệ thống tiêu chí và công cụ đánh giá rõ ràng, đặc biệt trong việc đánh giá vai trò của đội ngũ CBQL, GV và việc duy trì, phát triển bản sắc văn hoá riêng của từng nhà trường. Hoạt động đánh giá ở một số nội dung còn mang tính định tính, thiếu căn cứ cụ thể để làm cơ sở cho cải tiến chất lượng.

3.5.3. Nguyên nhân

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về khách quan, điều kiện kinh phí, cơ sở vật chất và nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động xây dựng VHNT còn hạn chế; sự thay đổi trong các chỉ đạo chuyên môn từ cấp trên cũng ảnh hưởng đến tính ổn định của kế hoạch và tiến độ thực hiện. Bên cạnh đó, sự khác biệt về điều kiện kinh tế – xã hội và mức độ quan tâm của phụ huynh giữa các trường làm cho hiệu quả phối hợp giáo dục chưa đồng đều.

Về chủ quan, năng lực quản lý và tổ chức hoạt động xây dựng VHNT của một bộ phận

CBQL và GV chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới. Nhận thức về xây dựng VHNT ở một số cá nhân còn dừng lại ở mức độ phong trào, chưa coi đây là quá trình mang tính chiến lược, lâu dài. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn về quản lý và tổ chức hoạt động xây dựng VHNT chưa được triển khai thường xuyên và có hệ thống.

Ngoài ra, thiếu các công cụ và tiêu chí đánh giá cụ thể cũng là nguyên nhân làm cho công tác kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động xây dựng VHNT chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động xây dựng VHNT tại các trường THCS ở phường Phước Thắng nhìn chung đạt mức Khá, thể hiện ở cả bốn chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá. Các nhà trường đã xác lập được mục tiêu, nội dung và các chuẩn mực văn hóa tương đối rõ ràng; duy trì môi trường giáo dục an toàn - thân thiện; phát huy vai trò của HS và tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng. Những kết quả này góp phần khẳng định nhận thức đúng đắn và nỗ lực của đội ngũ CBQL, GV trong xây dựng văn hóa học đường phù hợp định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra các hạn chế đáng chú ý. Công tác lập kế hoạch vẫn thiếu tính lượng hóa về nguồn lực; hoạt động tổ chức thực hiện đôi lúc còn mang tính hình thức; chỉ đạo phát triển đội ngũ và kiểm tra - đánh giá chưa thật sự sâu; việc duy trì bản sắc văn hóa riêng của từng trường chưa được chú trọng. Các hạn chế này bắt nguồn từ cả nguyên nhân chủ quan (năng lực đội ngũ, nhận thức chưa đồng đều, thiếu công cụ đánh giá) và nguyên nhân khách quan (điều kiện kinh tế - xã hội phức tạp, nguồn lực nhà trường còn hạn chế).

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng việc nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động xây dựng VHNT tại phường Phước Thắng cần được tiếp tục triển khai theo hướng cụ thể hóa kế hoạch, tăng cường phối hợp liên kết ba môi trường, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ, đồng thời hoàn thiện hệ thống tiêu chí kiểm tra - đánh giá. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để các trường THCS trên địa bàn phát triển VHNT theo hướng bền vững, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong giai đoạn đổi mới hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên*.
- Đỗ, T. T. H. (2022). Xây dựng văn hóa nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số - vấn đề đặt ra cho cán bộ quản lý trường học. *Tạp chí Giáo dục*, 22(3), 13-18. Truy cập từ <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/336>
- Hồ, V. T., & Nguyễn, T. N. (2025). Thực trạng quản lý xây dựng văn hóa nhà trường ở các trường trung học cơ sở Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(07S), 103-114. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1705>
- Nguyễn, H. M. Đ., & Huỳnh, M. T. (2024). Thực trạng quản lý xây dựng văn hoá nhà trường ở các trường tiểu học thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(01S), 167-174. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1311>

- Nguyễn, T. T. (2023). Thực trạng và biện pháp xây dựng văn hóa nhà trường ở các trường trung học cơ sở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(03S), 186-194. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.03S.2023.1149>
- Phan, N. T., & Nguyễn, M. T. (2024). Thực trạng xây dựng văn hóa nhà trường các trường trung học phổ thông ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), 122-131. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2024.1452>
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019*.
- Schein, E. H. (2010). *Organizational culture and leadership (4th ed.)*. Jossey-Bass.
- Thủ tướng Chính phủ. (2018). *Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường*.